

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Nguyên Ngọc M, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ A, khu B, phường HA, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Đoàn Thị Hồng D, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ A, khu B, phường HA, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Nguyên Ngọc M và bà Đoàn Thị Hồng D tự nguyện kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PC, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 308, quyển số 2/2000, ngày 11/8/2000 của Ủy ban nhân dân phường PC là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông M và bà D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay ông M và bà D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông M và bà D vẫn giữ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, Ông Lê Nguyên Ngọc M và bà Đoàn Thị Hồng D có 02 con chung tên Lê Đoàn Phương N1, sinh ngày 12/4/2000 và Lê Đoàn Phương N2, sinh ngày 05/7/2010. Ông M và bà D thỏa thuận thống nhất giao con chung tên Lê Đoàn Phương N2, sinh ngày 05/7/2010 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu Lê Đoàn Phương N1, sinh ngày 12/4/2000 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Nguyên Ngọc M và bà Đoàn Thị Hồng D thỏa thuận thống nhất, ông Lê Nguyên Ngọc M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con

chung Lê Đoàn Phương N2, sinh ngày 05/7/2010 mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm được quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Nguyên Ngọc M và bà Đoàn Thị Hồng D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Đoàn Phương N2, sinh ngày 05/7/2010 cho bà Đoàn Thị Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Nguyên Ngọc M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Lê Đoàn Phương N2, sinh ngày 05/7/2010 mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Lê Nguyên Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Lê Nguyên Ngọc M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đoàn Thị Hồng D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Lê Nguyên Ngọc M.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Lê Nguyên Ngọc M và bà Đoàn Thị Hồng D mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/000abcd ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường PC;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ VDS, VT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Châu Giang